

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày 16/5/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Năng Long.

Ông Bạch Đình Ca.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên toà:** Ông Ngô Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án A trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị D** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 11 tháng 10 năm 1983, tại tỉnh Ninh Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; bị cáo có chồng tên là Trịnh Ngọc S, sinh năm 1974 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2023 cho đến nay vẫn đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cư Kuin (Có mặt).

- Người bị hại:

+ Bà Ngô Thị V, sinh năm 1975. Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Bảo Ph, sinh năm 1996. Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

+ Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2016, bà Hoàng Thị Đ có quen biết với Nguyễn Thị D thông qua trang mạng xã hội Facebook; hai bên thường nhắn tin nói chuyện qua lại. Trong quá trình nói chuyện, D nói với bà Đ là D có khả năng xin được việc làm như xin vào học ngành Công an hoặc xin đi dạy.

Vào khoảng tháng 9 năm 2018, khi bà Đ đến nhà bà Ngô Thị V cư trú cùng buôn với bà Đ để chơi thì bà Đ biết bà V đang có nhu cầu xin việc cho con gái là Nguyễn Bảo Ph, sinh năm 1996, mới tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm ngành Vật lý chưa có việc làm, bà Đ giới thiệu cho bà V biết D có khả năng xin được cho cháu Ph đi giảng dạy, đồng thời cho bà V tài khoản Facebook và số điện thoại của Dung. Thông qua tài khoản Facebook và số điện thoại của Nguyễn Thị D thì giữa gia đình bà V với D quen biết nhau nhưng chưa gặp nhau lần nào.

Đến khoảng cuối tháng 10 năm 2018, Nguyễn Thị D đưa ra thông tin về chi phí xin việc làm cho Nguyễn Bảo Ph với số tiền là 150.000.000 đồng thì gia đình bà V đồng ý, Nguyễn Thị D đã cho gia đình bà V số tài khoản Ngân hàng để gia đình bà V chuyển tiền xin việc vào tài khoản của D, đến ngày 26/10/2018, D thông báo với bà V phải chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho bà D thì mới xin được việc làm, nên vào ngày 26/10/2018 Nguyễn Bảo Ph (con gái bà V) đến Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh B - huyện K (gọi tắt là Ngân hàng BIDV) gửi vào số tài khoản 62110000817482 mở tại Ngân hàng BIDV của D số tiền 40.000.000 đồng, sau đó D liên tục gọi điện thoại thúc giục gia đình bà V gửi thêm tiền để xin việc; ngày 09/11/2018 Nguyễn Bảo Ph đến Ngân hàng chuyển tiếp số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản của D. Đến tháng 01 năm 2019 D nhắn tin qua Facebook yêu cầu gia đình bà V chuyển thêm số tiền 25.000.000 đồng mới nhận được Quyết định đi làm và để tạo lòng tin cho gia đình bà V thì D gửi địa chỉ nhà của D tại Gia Lai và hẹn gia đình bà V đến chơi, vì vậy đến ngày 04/02/2019, chồng bà V là ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1973 và Nguyễn Bảo Ph đến nhà D tại Gia Lai và tại đây ông D tiếp tục đưa cho D số tiền 10.000.000 đồng để xin việc cho cháu Ph.

Đến ngày 14/02/2019 Nguyễn Bảo Ph tiếp tục đến Ngân hàng gửi số tiền 11.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của D, sau đó tài khoản Facebook “Trần Bảo Ph” nhắn tin cho Nguyễn Bảo Ph yêu cầu gửi thêm số tiền 5.000.000 đồng để làm thủ tục và hồ sơ đi dạy học thì vào ngày 11/3/2019 Nguyễn Bảo Ph đã đến Ngân hàng tiếp tục gửi số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của D.

Đề tạo lòng tin với gia đình bà V, D đã lập và sử dụng tài khoản facebook khác là “Trần Bảo Ph”, “Bảo Ph”, “Hoa hướng dương” đứng tên với tư cách là người trực tiếp lo việc cho cháu Ph, quá trình tương tác thì chỉ nhắn tin, khi phía bà V gọi điện nói chuyện thì phía bên “Trần Bảo Ph”, “Bảo Ph”, “Hoa hướng dương” không bắt máy vì sợ bị lộ giọng nói của D.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 176.000.000 đồng thì D không nộp hồ sơ xin việc cho cháu Ph mà đã tiêu xài cá nhân hết. Gia đình bà V đã nhiều lần hỏi D về vấn đề việc làm của Nguyễn Bảo Ph nhưng đều bị D hẹn chờ thêm thời gian. Đến ngày 30/10/2020, gia đình bà V biết là đã bị D lừa đảo để chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn tố giác vụ việc gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Quá trình tiến hành điều tra, xác minh nguồn tin về tội phạm được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 1012 ngày 28/6/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

“ Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 09 File mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nữ xưng là “em” (ký hiệu “D” trong “Bản dịch nội dung”) trong 09 File mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Nguyễn Thị D trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

- Nội dung hội thoại trong 09 File mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (“Bản dịch nội dung” gồm 23 trang giấy A4)”

Tại Công văn số 2445 ngày 21/12/2022 của Sở Lao động Thương binh và xã hội đã trả lời về thông tin của bà Dung như sau: *“Công dân Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, cư trú tại Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngoài ra, Phòng Lao động – Thương binh và xã hội (Cơ quan tham mưu cho UBND huyện về quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động-việc làm) thì bà Nguyễn Thị D không được cơ quan, tổ chức nào giới thiệu về huyện Đ (Thông qua Phòng Lao động-Thương binh và xã hội) để môi giới và giới thiệu việc làm trên địa bàn huyện.”*

Tại Công văn số 93/PC09 ngày 28/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lời: Hiện tại tài khoản Facebook chỉ có mật khẩu đăng nhập (không có tên đăng nhập) nên không truy cập vào Facebook để tiến hành trích xuất được.

+ Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập các chứng cứ liên quan gồm:

- 04 (bốn) Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng BIDV vào các ngày 26/10/2018, 09/11/2018, 14/02/2019, 11/3/2019 thể hiện Nguyễn Bảo Ph đã chuyển số tiền 166.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Thị D.

- 39 (ba mươi chín) tờ giấy khổ A4 thể hiện hình ảnh chụp nội dung các đoạn tin nhắn thoại do bà Ngô Thị V cung cấp.

- 01 (một) chiếc USB nhãn hiệu SanDisk, số loại Cruzer Glide 3.0, dung lượng 16GB, màu đen có chứa 09 file ghi âm cuộc gọi với Nguyễn Thị D do bà Ngô Thị V cung cấp.

+ **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị D hoàn trả số tiền 176.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) cho bị hại, hiện nay bị cáo chưa khắc phục được khoản tiền nào.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho người bị hại số tiền 176.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

- Về vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án đối với các vật chứng gồm:

+ 04 (bốn) Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng BIDV vào các ngày 26/10/2018, 09/11/2018, 14/02/2019, 11/3/2019 thể hiện Nguyễn Bảo Ph đã chuyển số tiền 166.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Thị D.

+ 39 (ba mươi chín) tờ giấy khổ A4 thể hiện hình ảnh chụp nội dung các đoạn tin nhắn thoại do bà Ngô Thị V cung cấp.

+ 01 (một) chiếc USB nhãn hiệu SanDisk, số loại Cruzer Glide 3.0, dung lượng 16GB, màu đen có chứa 09 file ghi âm cuộc gọi với Nguyễn Thị D do bà Ngô Thị V cung cấp.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc D, bà Ngô Thị V và chị Nguyễn Bảo Ph thống nhất số tiền 176.000.000 đồng là tiền của vợ chồng ông D và bà V để lo xin việc cho chị Phượng. Đồng thời, người bị hại không có ý kiến tranh luận gì và đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức xem thường pháp luật, tham lam tư lợi cá nhân nên vào năm 2018 Nguyễn Thị D đã đưa ra thông tin gian dối về việc có mối quan hệ quen biết và có khả năng xin được việc làm cho con gái bà Ngô Thị V là Nguyễn Bảo Ph nên gia đình bà V đã chuyển số tiền 176.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) cho D, sau khi nhận được tiền, D đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền của gia đình bà V. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.”

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt. Nhưng do động cơ vụ lợi, coi thường pháp luật và xem nhẹ quyền sở hữu tài sản của người khác nên bị cáo vẫn vi phạm. Vì vậy, cần có hình phạt thích đáng và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đều khai nhận: ban đầu hai bên thống nhất tổng số tiền chi phí xin việc cho chị Ph hết 150.000.000 đồng là cho đến khi chị Ph có Quyết định đi làm ở một

trường học trong địa bàn huyện K, sau đó bị hại đã chuyển khoản hết số tiền trên cho bị cáo vào ngày 26/10/2018 là 40.000.000 đồng và ngày 09/11/2018 là 110.000.000 đồng. Tiếp đến, vào tháng 01 năm 2019 mặc dù không có Quyết định đi làm nào và bản thân cũng không có khả năng xin được việc cho chị Ph nhưng lợi dụng lòng tin của người bị hại, bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiếp của người bị hại số tiền 26.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng : “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi đang mang thai; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về vật chứng vụ án: Các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ vào trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của người bị hại tổng số tiền là 176.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) nhưng cho đến nay vẫn chưa khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền nào. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho người bị hại số tiền nêu trên là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09/02/2023).

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng các Điều 86, 89, 90 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục lưu giữ vào hồ sơ vụ án đối với các vật chứng sau:

- 04 (bốn) Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh B - huyện K vào các ngày 26/10/2018, 09/11/2018, 14/02/2019, 11/3/2019 thể hiện Nguyễn Bảo Ph đã chuyển số tiền 166.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Thị D.

- 39 (ba mươi chín) tờ giấy khổ A4 thể hiện hình ảnh chụp nội dung các đoạn tin nhắn thoại do bà Ngô Thị V cung cấp.

- 01 (một) chiếc USB nhãn hiệu SanDisk, số loại Cruzer Glide 3.0, dung lượng 16GB, màu đen có chứa 09 file ghi âm cuộc gọi với Nguyễn Thị D do bà Ngô Thị V cung cấp.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc D và bà Ngô Thị V số tiền 176.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 8.800.000 đồng (*Tám triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÊ QUỐC ĐỊNH